

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 9 - 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Phạm Thiên Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Huyền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về cấp dưỡng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về phần hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2007 hôn nhân tự nguyện, có tình hiểu, không bị ai ép buộc hay sắp đặt gì, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Sín, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông. Sau thời gian dài sống hạnh

phúc thì thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, anh Hòa thường xuyên nhậu nhẹt về chủ bới, đánh đập chị nên làm cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hiện chị và anh Hòa đang sống ly thân với nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 03 con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 12/11/2008; Bùi Thị Phương H1, sinh ngày 22/10/2010 và Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2015. Khi ly hôn chị sẽ nuôi dưỡng hai con Bùi Thị Phương H1 và Bùi Thị Khánh L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo nguyện vọng của các con. Còn Bùi Thị Ngọc A đồng ý để cho anh Hòa nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị có yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị đã xin rút yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn Hòa trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T về chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, hiện tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 03 con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 12/11/2008; Bùi Thị Phương H1, sinh ngày 22/10/2010 và Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2015. Nếu chị T nhất quyết ly hôn, anh đồng ý nuôi dưỡng con Bùi Thị Ngọc A đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn hai con Bùi Thị Phương H1 và Bùi Thị Khánh L đồng ý để chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắc Nông tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự, đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn chuẩn bị xét xử. Như vậy, về tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ. Đối với bị đơn là anh Bùi Văn H vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và

84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn H.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Phương H1, sinh ngày 22/10/2010 và Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2015 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Giao con chung Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 12/11/2008 cho anh Bùi Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo thỏa thuận của acsc bên và nguyện vọng của các con.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001326 ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, tranh chấp về con chung nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn anh Bùi Văn H có nơi cư trú tại bon B, xã Q, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Sin, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, hiện chị T

và anh H đang sống ly thân với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với vợ nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh H đang cư trú thì tình trạng hôn có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, hiện chị T và anh H đang sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 03 con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 12/11/2008; Bùi Thị Phương H1, sinh ngày 22/10/2010 và Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 con là Bùi Thị Phương H1 và Bùi Thị Khánh L đến khi trưởng thành, các cháu H1, L đều có nguyện vọng muốn ở với chị T. Còn anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng con là Bùi Thị Ngọc A đến khi trưởng thành, cháu A cũng có nguyện vọng ở với anh H. Do vậy, cần giao hai con Bùi Thị Phương H1 và Bùi Thị Khánh L cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao con Bùi Thị Ngọc A cho anh Bùi Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị T, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đã tự nguyện rút yêu cầu về cấp dưỡng nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Còn bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận; còn về nợ chung các bên đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Bùi Văn H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn H.

1.2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Bùi Thị Phương H1, sinh ngày 22/10/2010 và Bùi Thị Khánh L, sinh ngày 03/02/2015 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh Bùi Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Ngọc A, sinh ngày 12/11/2008 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị T và anh Bùi Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc con chung để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu cấp dưỡng do nguyên đơn rút yêu cầu. Người khởi kiện có quyền khởi kiện lại vụ án đối với phần yêu cầu rút đơn theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001326 ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã Đắk Sín, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, v.p.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Văn Nhu